

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT LÊ CHÂN



ĐỀ ÁN

XÂY DỰNG TRƯỜNG THPT LÊ CHÂN
ĐẠT CHUẨN QUỐC QUỐC GIA MỨC ĐỘ I- NĂM 2025

II

Hải Phòng, năm 2022

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

Xây dựng trường THPT Lê Chân đạt chuẩn quốc gia Mức độ I - Năm 2025

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ NHỮNG CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1 Sự cần thiết xây dựng đề án

Đề án xây dựng trường THPT Lê Chân đạt chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2021 - 2025 dựa trên điều kiện thực tế của địa phương và một số yêu cầu mới xuất hiện trong chiến lược phát triển của nhà trường. Công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với nhà trường nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Thực tế ở các quận huyện trong thành phố Hải Phòng hiện nay đều đã có nhiều trường THPT đạt chuẩn quốc gia, đơn cử như: huyện Thủy Nguyên có 6/6 trường công lập đều đạt chuẩn (Lê Ích Mộc, Quang Trung, Lý Thường Kiệt, Thủy Sơn, Bạch Đằng, Phạm Ngũ Lão), huyện An Dương có 3/4 trường đạt chuẩn (An Dương, Nguyễn Trãi, An Hải), quận Lê Chân có 1/4 trường đạt chuẩn (Ngô Quyền), quận Kiến An có 2/3 trường đạt chuẩn (Kiến An, Đồng Hòa), quận Ngô Quyền có 2/2 trường đạt chuẩn (Thái Phiên, Chuyên Trần Phú), quận Hải An có 1 trường đạt chuẩn (Lê Quý Đôn) và Hải An chuẩn bị được công nhận...

Trên địa bàn quận Lê Chân có 06 trường THPT, trong đó có 03 trường THPT công lập: Ngô Quyền, Trần Nguyên Hãn, Lê Chân và 03 trường THPT ngoài công lập: Phổ thông Lý Thái Tổ, Phổ thông nhiều cấp học Nguyễn Tất Thành và THPT Hữu Nghị quốc tế. Chỉ có 01 trường đạt chuẩn quốc gia (THPT Ngô Quyền). Trường THPT Trần Nguyên Hãn diện tích chật hẹp, khó có cơ hội tăng diện tích do dân đã ở kín xung quanh, trường Phổ thông Lý Thái Tổ, Phổ thông nhiều cấp học Nguyễn Tất Thành và THPT Hữu Nghị quốc tế là trường ngoài công lập đang thuê cơ sở của doanh nghiệp. Riêng trường THPT Lê Chân với diện tích 20,811,8m², là tiền đề để có thể xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học của Bộ GD & ĐT năm 2020; Thông tư số 18/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GD & ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 27/5/2020 của Bộ GD & ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung

học cơ sở, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ... là những văn bản pháp quy điều chỉnh, định hướng việc xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các nhà trường.

1.2 Những căn cứ pháp lý để xây dựng đề án

Việc xây dựng quy hoạch phát triển trường THPT Lê Chân đạt chuẩn quốc gia được dựa trên các căn cứ pháp lý sau đây:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Văn kiện Đại hội XIII Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nguồn nhân lực, giáo dục đào tạo có ghi: “Tạo chuyên biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo. Tăng cường công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục”.

- Nghị quyết số 45-NQ/TW Ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chương trình hành động số 76-CTr/TU, ngày 08/7/2019 của Thành ủy Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW với mục tiêu tổng quát là: “Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, nâng cao ngang tầm với các thành phố tiêu biểu ở Châu Á”.

- Đại hội XVI nhiệm kỳ 2020-2025 Đảng bộ thành phố Hải Phòng đề ra 08 nhiệm vụ cơ bản, ở nhóm nhiệm vụ thứ sáu về đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hoá - xã hội ghi: “Tiếp tục bố trí nguồn lực đầu tư hợp lý để nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, tăng nhanh tỷ lệ số trường đạt chuẩn quốc gia”.

- Nghị quyết Đại hội lần thứ XXIII Đảng bộ Quận Lê Chân nhiệm kỳ 2020-2025 về huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển nhanh, bền vững; xây dựng quận Lê Chân trở thành đô thị văn minh, hiện đại, trung tâm kinh tế của thành phố vào năm 2025.

- Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và ban hành Quy định quản lý theo Đề án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025.

- Nghị quyết Đại hội Chi bộ trường THPT Lê Chân nhiệm kỳ 2020-2025, xác định: Tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trong mọi hoạt động của nhà trường thực hiện quy chế dân chủ trong trường; xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên (CBGV) nhà trường đủ về số lượng, vững vàng về chuyên môn và có bản lĩnh chính trị cao; đổi mới công tác quản lý, phương pháp dạy học và giáo dục học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng mũi nhọn; tiếp tục làm tốt công tác phân hóa phân luồng học sinh đầu cấp và sau tốt nghiệp; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp; tăng cường cơ sở vật chất (CSVC). Phân đấu trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia vào năm 2025.

Phần II

THỰC TRẠNG TRƯỜNG THPT LÊ CHÂN

2.1. Khái quát chung về lịch sử phát triển nhà trường

Trường THPT Lê Chân tiền thân là trường THPT bán công Lê Chân được thành lập từ tháng 7 năm 2001 theo Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 12/7/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, được đặt tại địa chỉ khu 5, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; đến năm 2008 theo Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 30/10/2008 về việc chuyển đổi loại hình từ trường bán công sang trường công lập đối với một số trường THPT, trường được chuyển đổi từ Trường THPT bán công Lê Chân thành trường THPT Lê Chân. Học sinh của nhà trường chủ yếu là con em nhân dân các phường An Biên, An Dương, Vĩnh Niệm, Niệm Nghĩa, Nghĩa Xá, Kênh Dương, Dư Hàng Kênh, Trần Nguyên Hãn, Hồ Nam, Trại Cau, Dư Hàng, Hàng Kênh thuộc địa bàn quận Lê Chân, bên cạnh đó có rất nhiều con em nhân dân thuộc các quận Ngô Quyền, Hải An, Dương Kinh, Kiến An...

Quy mô nhà trường năm học 2021-2022:

Trường có 22 lớp với tổng số: 973 học sinh. Trung bình 44,2 HS/ lớp.

Trường có 6 tổ chuyên môn, 48 cán bộ giáo viên, nhân viên, 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định, trong đó trình độ trên chuẩn, đạt chiến sĩ thi đua cơ sở, giáo viên dạy giỏi cấp thành phố đạt trên 45%, đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết, yêu nghề và có trình độ chuyên môn, năng lực tốt.

Chi bộ gồm 23 đảng viên, hàng năm luôn được Quận ủy đánh giá xếp loại “Tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Các đoàn thể như Công đoàn nhiều năm liên tục được công nhận Công đoàn Vững mạnh xuất sắc, được nhận giấy khen của Công đoàn ngành. Đoàn Thanh niên nhiều năm liên tục được nhận Bằng khen của Thành đoàn, Bằng khen của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Nhà trường nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bức trưng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Giấy khen của các cấp, Công đoàn ngành, Giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã khẳng định được vị trí trong ngành giáo dục thành phố và địa phương, được học sinh và phụ huynh học sinh tin cậy.

Ngoài ra, nhà trường rất quan tâm đến việc xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Ban đại diện CMHS nhà trường, Ban đại diện CMHS các lớp được thành lập theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011) và hoạt động có hiệu quả, đúng Điều lệ. Sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện Cha mẹ học sinh trong nhiều năm qua đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp, công tác vận động xã hội hóa, hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy học, khen thưởng học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục ...

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên

2.2.1. Tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, viên chức của nhà trường năm học 2021 – 2022 (tính đến 10/04/2021)

STT	Cơ cấu đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Biên chế được giao năm 2022 theo định mức	Biên chế có mặt	Số người		
				Tổng số thừa (+) thiếu (-)	Thừa	Thiếu
I	Cán bộ quản lý	2	2	-1		1
II	Giáo viên	50	45			
1	Ngữ văn	7	7			
2	Toán	8	8			
3	Ngoại ngữ 1	7	6	-1		1
4	Giáo dục thể chất	3	3			
5	Giáo dục quốc phòng	2	0	-2		2
6	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	0	0			
7	Nội dung giáo dục địa phương	0	0			
8	Lịch sử	2	2			
9	Địa lí	2	2			
10	Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDCT)	2	1	-1		1
11	Vật lí	5	4	-1		1
12	Hóa học	5	5			
13	Sinh học	2	2			
14	Kĩ thuật CN	1	1			
15	Kĩ thuật NN	1	1			
16	Tin học	3	3			
17	Nghệ thuật (âm nhạc hoặc mỹ thuật)	0	0			
18	Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)	0	0			
III	Nhân viên	2	2			
1	Thư viện	0	0			
2	Thiết bị, thí nghiệm	1	1			
3	Công nghệ thông tin	0	0			
4	Văn thư, thủ quỹ	0	0			
5	Kế toán	1	1			
6	Giáo vụ	0	0			
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	54	49			5

Biên chế được giao năm 2022 về cơ cấu, số lượng: cơ bản đủ về thành phần giáo viên các bộ môn trong trường THPT theo quy định; còn thiếu giáo viên môn Giáo dục công dân, GD Quốc phòng, Vật lý, Ngoại ngữ và nhân viên thư viện, văn thư, thủ quỹ, giáo vụ, công nghệ thông tin.

đây đã có học sinh được tuyển thẳng vào các lớp sinh viên tài năng và nhận học bổng của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Quy mô và kết quả hai mặt giáo dục hàng năm:

Năm học	TS học sinh	TS lớp	Xếp loại hạnh kiểm (%)				Xếp loại học lực (%)			
			Tốt	Khá	TB	Yếu	Giỏi	Khá	TB	Yếu, kém
			2015-2016	616	15	82,8	17,2	0,0	0,0	20,29
2016-2017	641	16	89,5	10,3	0,0	0,2	9,20	72,54	18,10	0,16
2017-2018	657	17	90,5	9,2	0,0	0,3	9,59	72,30	17,81	0,30
2018-2019	746	20	92,3	7,3	0,0	0,3	22,52	69,84	7,37	0,25
2019-2020	821	20	92,21	6,94	0,61	0,24	36,80	53,23	9,87	0,0
2020-2021	917	21	89,96	9,60	0,44	0,0	56,92	40,35	2,29	0,43

So sánh từ năm 2015 đến 2021: Tỷ lệ HS được xếp loại hạnh kiểm Tốt, học lực Giỏi đều tăng.

+ Học sinh giỏi cấp trường và thành phố:

Năm học	HSG cấp trường K10, K11	Kết quả thi HSG văn hoá khối 12 thành phố (bảng A và B)					Kết quả thi các môn TDTT thành phố			
		TS giải/xếp hạng	Trong đó				TS huy chương	Trong đó		
			Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải KK		Vàng	Bạc	Đồng
2014-2015	66	9	0	0	6	3	0	0	0	0
2015-2016	61	8	0	0	3	5	0	0	0	0
2016-2017	59	4	0	0	2	2	0	0	0	0
2017-2018	65	10	1	0	3	5	0	0	0	0
2018-2019	68	13	0	5	3	5	0	0	0	0
2019-2020	70	17	0	2	10	5	3	0	1	2
2020-2021	90	19	1	1	3	14	TP không tổ chức do dịch Covid-19			

+ Kết quả thi tốt nghiệp THPT và thi đỗ đại học, cao đẳng:

Năm học	Thi Tốt nghiệp		
	HS dự thi	Tốt nghiệp	Tỷ lệ tốt nghiệp
2014-2015	182	182	100%
2015-2016	204	204	100%
2016-2017	186	186	100%
2017-2018	204	204	100%
2018-2019	205	204	99,51%
2019-2020	217	217	100%
2020-2021	211	211	100%

2.4 Điều kiện Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tài chính

Căn cứ Thông tư số 18/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 27/5/2020 của Bộ GD & ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, đối chiếu với thực trạng về diện tích, cơ sở vật chất của nhà trường hiện nay thì:

- Diện tích đất:

Tổng diện tích đất của trường THPT Lê Chân được sử dụng hiện nay là 20.811,8 m² với quy mô của nhà trường 22 lớp 973 học sinh thì trường đạt chuẩn theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 27/5/2020 của Bộ GD & ĐT.

Diện tích đất bình quân trên mỗi học sinh tính năm học 2021-2022 đạt 24,4m²/HS, đủ theo chuẩn quy định tại Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 27/5/2020 của Bộ GD & ĐT ban hành, trường đạt chuẩn. (Phụ lục 1)

Tuy nhiên cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất hiện bất cập không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định.

- Về quy hoạch: Do từ ngày đầu thành lập năm 2001 đến nay trường chưa xây dựng được quy hoạch, các công trình xây dựng chắp vá, bất tiện khi sử dụng.

Hệ thống cây xanh, cây bóng mát quá ít (do tính chất thổ nhưỡng, do úng lụt thường xuyên), chủ yếu là các cây cảnh, cây phi lao, cây bụi nên rất nắng nóng.

Tỉ lệ đất dành cho các khối: xây dựng công trình; cây xanh; giao thông nội bộ không hợp lý (tỷ lệ 29% - 16% - 55%).

- Chất lượng toàn bộ các công trình trong trường (tòa nhà phòng học 3 tầng, khu vệ sinh) được xây dựng trên 20 năm với công nghệ xây dựng lạc hậu, thường xuyên phải tu sửa, nâng cấp sử dụng tạm.

- **Nền sân trường thấp** hơn so với mặt đường xung quanh 60 cm, cùng hệ thống thoát nước cũ không đáp ứng được việc thoát nước nên thường xuyên xảy ra tình trạng ngập lụt nặng mỗi khi có mưa kéo dài.

- **Phòng học:** diện tích hẹp (54 m²/phòng) không đạt quy chuẩn mới của trường chuẩn quốc gia (quy định tối thiểu 60 m²/phòng); một số phòng học tạm của dãy nhà cấp 4 đã quá cũ, xuống cấp, bàn ghế trang thiết bị được trang bị từ nhiều năm trước nên đã hỏng hóc và cũ nát; sân trường thấp, khu vực phía sau trường chưa có tường bao nên nhiều diện tích hiện đang bị lấn chiếm trái phép.

- **Trường không có nhà tập đa năng, phòng học năng khiếu (Âm nhạc, Mỹ thuật, các CLB);** sân chơi dùng chung với bãi tập TDTT; các phòng học, thư viện, phòng làm việc của bộ phận BGH, hành chính, bảo vệ, y tế, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn còn thiếu hoặc chưa đạt chuẩn về diện tích, xuống cấp.

- **Thiết bị:** y tế, phòng thí nghiệm, phòng tin học, ngoại ngữ, nhà xe... thiếu thốn.

- **Điều kiện về tài chính:** Nguồn tài chính của trường chủ yếu có từ ngân sách do nhà nước cấp và rất hạn chế, chỉ đủ đảm bảo chi ở mức tối thiểu cho một số hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường. Hàng năm trường cũng thực hiện vận động CMHS, cựu HS tài trợ nhưng hạn chế, chỉ đủ để nâng cấp, sửa chữa một số phòng học sinh và bổ sung một số trang thiết bị, vật dụng ngoài trời phục vụ cho hoạt động tối thiểu của thầy và trò.

Đối chiếu với Quy định về trường trung học đạt chuẩn quốc gia, trường THPT Lê Chân đã đạt được 4/5 tiêu chuẩn (tổ chức và quản lý nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; chất lượng giáo dục; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội), còn chưa đạt tiêu chuẩn về quy hoạch, cơ sở hạ tầng và các điều kiện đảm bảo. Đến tháng 3/2022, THPT Lê Chân là trường duy nhất trong quận Lê Chân phải học chính khóa 2 ca/ngày.

2. 5. Đánh giá chung

2.5.1 Ưu điểm – Thuận lợi

Trong những năm qua, công tác Giáo dục - Đào tạo nhà trường đạt được nhiều kết quả nổi bật: quy mô nhà trường lớp ngày càng phát triển, cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa hoàn thiện, nhưng cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh.

Chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng được nâng lên, số lượng, chất lượng học sinh giỏi có chuyên biệt rõ nét. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên ngày càng được nâng lên. Công tác quản lý giáo dục có nhiều tiến bộ: không chạy theo bệnh thành tích; phát huy vai trò tự chủ của các tập thể, cá nhân trong đơn vị, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

Công tác xã hội hóa giáo dục đã huy động được sự tham gia đóng góp, cộng đồng trách nhiệm của nhiều tổ chức và nhân dân trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

Giáo viên và học sinh tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua, các hoạt động xã hội do ngành, thành phố và quận tổ chức. Trường đang từng

bước vươn lên đứng ở vị trí thứ cao trong khối các trường THPT thành phố về học sinh thi đỗ tốt nghiệp và thi đỗ đại học (năm sau đều có tiên bộ hơn năm trước)

Đạt được kết quả trên là do:

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng, Quận ủy Lê Chân, các cấp lãnh đạo, các ban ngành thành phố; sự đồng viên, ủng hộ của chính quyền, nhân dân các địa phương và phụ huynh học sinh nhà trường. Đặc biệt là sự đoàn kết, đồng thuận, quyết tâm cao của đảng viên trong Chi bộ và đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường; nhà trường ổn định và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.5.2 Tồn tại – Khó khăn

Sự phát triển của nhà trường vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của đời mới toàn diện trong các nhà trường phổ thông giai đoạn hiện nay: đặc biệt cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học còn thiếu thốn, chưa đồng bộ, xuống cấp, ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Đội ngũ giáo viên còn thiếu ở một số bộ môn nhất là các bộ môn Giáo dục công dân, Giáo dục quốc phòng ... Trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ của giáo viên cần được nâng cao hơn.

Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, chất lượng dạy nghề, hướng nghiệp cho học sinh hiệu quả còn hạn chế.

Những tồn tại, hạn chế trên do những nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân khách quan:

Nhiều năm qua sự định hướng, cùng việc đầu tư về nguồn tài chính cho xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia từ phía thành phố, địa phương với nhà trường chưa đáp ứng kịp thời so với nhu cầu.

Công tác xã hội hóa giáo dục, vận động cha mẹ học sinh chung tay góp công, góp của vào việc cải tạo, nâng cấp xây dựng nhà trường chưa phát huy hiệu quả tốt. Nhiều học sinh nhà trường gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn, phụ huynh ít có điều kiện quan tâm đến con cái, chưa nhận thức đúng về công tác xã hội hoá giáo dục nên chưa nhiệt tình với việc chung tay, góp sức xây dựng nhà trường.

- Nguyên nhân chủ quan:

Nhận thức về yêu cầu đời mới giáo dục đào tạo ở một bộ phận cán bộ, giáo viên, viên chức, chưa sâu sắc nên trong tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục và đào tạo hiệu quả còn hạn chế. Một bộ phận giáo viên năng lực còn hạn chế, chậm đổi mới về phương pháp dạy học. Do thời gian thành lập chưa dài và mất gần 10 năm trường là mô hình trường bán công nên số lượng giáo viên giỏi, giàu kinh nghiệm ở một số bộ môn chưa nhiều, chất lượng tuyển sinh đầu vào những năm trước còn thấp.

Một thời gian dài, công tác quản lý giáo dục ở nhà trường một số mặt còn chậm đổi mới, nhất là trong quy hoạch, định hướng phát triển nhà trường.

Phần III

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

3.1. Dự báo tình hình

3.1.1. Dự báo tình hình

Quận Lê Chân với diện tích 12,31 km², dân số hiện nay đạt trên 219.796 người, trong những năm gần đây, quận đã trở thành một hiện tượng và kì tích về tốc độ phát triển kinh tế trong thành phố và cả trên toàn quốc. Trên địa bàn quận hiện đang có hàng trăm dự án, nhà cao tầng liền kề, trung tâm thương mại – dịch vụ thi nhau mọc lên làm bừng sáng một góc trời. Có thể kể đến các dự án, công trình lớn như Trung tâm thương mại Aeon Mall, các Tổ hợp thương mại và chung cư cao cấp Minato, Waterfront City, Làng Việt Kiều quốc tế, Việt Phát South City, Vinhomes Cầu Rào 2, Hoàng Huy, khu đô thị ven sông Lạch Tray, khách sạn 5 sao Nikko... Các dự án, công trình đã được đầu tư kể trên sẽ tiếp tục phát huy mạnh mẽ trong những năm tới cùng đường trục đô thị Bắc Sơn - Nam Hải, đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 sẽ là trục động lực phát triển mới của quận. Hiện tại, quận đang được xác định là một trong ba hướng phát triển đô thị đột phá của thành phố, một khu vực phát triển mới đầy năng động với dư địa vô cùng rộng mở. Với vị thế trung tâm của thành phố Cảng, quận Lê Chân đang vươn mình bứt phá trở thành đô thị văn minh, hiện đại, trung tâm thương mại, kinh tế của thành phố vào năm 2025.

Hiện nay, thành phố đang phát triển mạnh về phía Nam trên địa bàn các phường Vĩnh Niệm, Kênh Dương thuộc quận Lê Chân với nhiều dự án nghìn tỉ của các Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Tài chính Hoàng Huy, Công ty TNHH Chuo Việt Nam... kéo theo đó là nhu cầu về trường học của con em nhân dân trong các khu vực này ngày càng trở lên cấp thiết, tạo lên áp lực, cũng như tạo cơ hội phát triển với các nhà trường nói chung và với trường THPT Lê Chân nói riêng.

Theo “Báo cáo tổng hợp Quy hoạch phát triển giáo dục phổ thông và mầm non thành phố Hải Phòng đến năm 2025 định hướng năm 2030” của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng tháng 5 năm 2018 thì: giai đoạn 2016-2030 quy mô học sinh các cấp gia tăng trong đó mạnh nhất ở bậc THPT: từ 1.230 lớp (giai đoạn 2015-2016) lên 1.898 lớp (giai đoạn 2025-2030).

Riêng ở quận Lê Chân, bậc THPT năm học 2019-2020 có 2.695 học sinh, dự báo năm học 2024-2025 có khoảng 3.600 học sinh (tăng thêm 34,7%).

Với trường THPT Lê Chân dự kiến quy mô: số học sinh 1.485 – 1.620 học sinh/năm. Số lớp học: từ 22 lớp (năm học 2021-2022) lên 33 lớp (giai đoạn 2020-2025), đạt 36 lớp (giai đoạn 2025-2030).

3.1.2. Thời cơ đối với nhà trường:

Trong mấy năm gần đây nhà trường ngày càng được sự tin nhiệm của học sinh và phụ huynh học sinh, giáo viên các trường THCS trong khu vực và toàn thành phố.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ nhiệt tình, tâm huyết với nghề, ham học hỏi và cầu tiến, nhiều người có năng lực về chuyên môn và kỹ năng sư phạm cũng như trong ứng dụng các phương pháp dạy học mới, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý đang phát huy vai trò và có tín nhiệm trong học sinh và cha mẹ học sinh.

Nhu cầu giáo dục để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho thành phố và các địa phương lân cận là rất lớn và ngày càng tăng do quá trình đô thị hóa và phát triển các dự án, công trình lớn trên địa bàn quận và thành phố với tốc độ nhanh nhất là quận Lê Chân, một quận trung tâm của thành phố đang trong thời kỳ đổi mới nhanh chóng theo hướng đô thị thông minh, hiện đại là tiền đề cho nhà trường có cơ hội phát triển.

3.1.3. Thách thức đối với nhà trường:

Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục các nhà trường theo định hướng đổi mới toàn diện giáo dục, đào tạo theo Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của BCH Trung ương Đảng và từ phía cha mẹ học sinh, của xã hội trong thời kỳ hội nhập.

Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, yêu cầu về tính sáng tạo của cán bộ, giáo viên, công nhân viên trong công việc ngày càng cao.

Các trường THPT ở khu vực và thành phố luôn tăng tốc về chất lượng giáo dục buộc nhà trường phải cố gắng phấn đấu.

3.2. Mục tiêu, nhiệm vụ

3.2.1. Xác định các vấn đề ưu tiên

Đổi mới công tác quản lý điều hành của ban lãnh đạo nhà trường và các bộ phận.

Củng cố về tổ chức, nề nếp nhà trường đưa trường vào thể ổn định vững chắc để có điều kiện phát triển.

Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh. Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, hướng nghiệp cho học sinh.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên.

Áp dụng các chuẩn vào việc đánh giá các hoạt động của nhà trường, về công tác quản lý, giảng dạy.

Tăng cường cơ sở vật chất theo hướng trường chuẩn quốc gia, đẩy mạnh hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và công tác quản lý.

Tăng cường và phát huy hiệu quả của công tác xã hội hoá giáo dục.

3.2.2. Tầm nhìn, sứ mệnh, phương châm hành động

2.2.2. Tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, viên chức của nhà trường tính đến năm 2025 (dự kiến 33 lớp)

STT	Cơ cấu đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Biên chế có mặt 2022	Biên chế có mặt tính đến năm 2025	Số người		
				Tổng số thừa (+) thiếu (-) biên chế đến năm 2025 (dự kiến 33 lớp)	Thừa	Thiếu
I	Cán bộ quản lý	2	3	0	0	0
II	Giáo viên	45	72	-28		28
1	Ngữ Văn	7	10	-3		3
2	Toán	8	12	-4		4
3	Ngoại ngữ 1	6	9	-3		3
4	Giáo dục thể chất	3	5	-2		2
5	Giáo dục quốc phòng	0	2	-2		2
6	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	0	0	0		0
7	Nội dung giáo dục địa phương	0	0	0		0
8	Lịch sử	2	4	-2		2
9	Địa lí	2	4	-2		2
10	Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDCTD)	1	2	-1		1
11	Vật lí	4	7	-3		3
12	Hóa học	5	7	-2		2
13	Sinh học	2	4	-2		2
14	Công nghệ (Công nghiệp)	1	2	-1		1
15	Công nghệ (Trồng trọt)	1	1	0		0
16	Tin học	3	4	-1		1
17	Nghệ thuật (âm nhạc hoặc mỹ thuật)	0	0	0		0
18	Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)	0	0	0		0
III	Nhân viên	2	6	-4		4
1	Thư viện	0	1	-1		1
2	Thiết bị, thí nghiệm	1	1			
3	Công nghệ thông tin	0	1	-1		1
4	Văn thư, thủ quỹ	0	1	-1		1
5	Kế toán	1	1			
6	Y tế học đường	0	1	-1		1
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	49	81			32

Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm học 2021-2022 nhà trường có: 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn trong đó trình độ trên chuẩn trên là 45,6%

(01 tiến sĩ, 20 thạc sĩ), cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn đạt trên 60%. Số giáo viên đạt chiến sĩ thi đua cơ sở, giáo viên dạy giỏi cấp thành phố đạt trên 35%, số người có trình độ lý luận chính trị: cao cấp : 01, trung cấp: 05; trên 100% CBGV có trình độ ngoại ngữ từ B trở lên; 100% CBGV có trình độ tin học văn phòng.

Giáo viên nhà trường luôn đoàn kết, tâm huyết, nhiều đồng chí có trình độ chuyên môn vững vàng, có tín nhiệm cao, là cốt cán của Sở GDĐT như môn Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân, Thể dục; nhiều giáo viên nhà trường dạy giỏi, quản lý giáo dục học sinh tốt, mẫu mực trong cuộc sống, luôn được đồng nghiệp, các thế hệ học sinh và nhân dân địa phương tín nhiệm.

Danh hiệu thi đua trong 6 năm từ năm 2015 đến năm 2021:

Năm học	Lao động TT	CSTD cấp cơ sở	CTĐ cấp thành phố	Khen cao
2015-2016	25	4	0	0
2016-2017	28	5	1	
2017-2018	31	2	0	
2018-2019	36	5	0	
2019-2020	42	7	0	
2020-2021	42	7	1	

2.3 Tình hình học sinh nhà trường

Chủ yếu là con em người dân lao động, cán bộ viên chức địa phương nên phần lớn có ý thức và ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện. Nhiều học sinh nhà trường gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn, được nhà trường cùng các lực lượng xã hội quan tâm, giúp đỡ về tài chính để các em có điều kiện đến trường. Cha mẹ học sinh cơ bản luôn đồng lòng, ủng hộ các hoạt động của nhà trường. Trường nằm trên địa bàn quận Lê Chân – một vị trí đắc địa nhất của trung tâm thành phố, xung quanh là các khu đô thị cao cấp như Watefront City, Làng Việt Kiều quốc tế, Việt Phát South City, Vinhomes Cầu Rào 2, Hoàng Huy Mall hay Trung tâm thương mại lớn nhất miền Bắc Aeon Mall nên có mật độ dân trí cao, học sinh có điều kiện, được gia đình quan tâm và tiếp cận với văn minh của cuộc sống hiện đại, nhưng cũng dễ bị mặt trái của cơ chế thị trường lôi cuốn vào các tệ nạn xã hội.

Chất lượng học sinh: Tổng số học sinh toàn trường năm học 2020 – 2021 là 917 học sinh, tổng số lớp 21, năm học 2021 – 2022 trường có 22 lớp với 973 học sinh. Số học sinh bỏ học hoặc lưu ban hàng năm không vượt quá 1%. Chất lượng tuyển sinh đầu vào của trường trong những năm gần đây đều nằm trong top 15 so với các trường THPT trên toàn thành phố. Hàng năm, nhà trường đều có học sinh tham gia và đạt học sinh giỏi thành phố ở các bộ môn, số lượng và chất lượng giải tăng dần theo các năm trở lại đây. Tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp THPT luôn đạt mức 99%-100%, đỗ vào các trường đại học cao đẳng trong cả nước cũng tăng dần theo các năm, nhiều em đỗ cao vào các trường top đầu cả nước; đặc biệt, trong ba năm gần

3.2.2.1 Tầm nhìn

Xây dựng nhà trường trở thành một ngôi trường lành mạnh, có kỷ cương, nề nếp, chất lượng giáo dục cao, học sinh phát huy hết tiềm năng trở thành người thành đạt trong tương lai.

3.2.2.2 Sứ mệnh

Là nơi đào tạo những học sinh có phẩm chất đạo đức tốt, trong sáng; có kiến thức sâu, rộng; có năng lực thích ứng, vận dụng cao: **“Tâm sáng – Trí rộng – Thực hành cao”**.

3.2.2.3 Phương châm hành động

Chất lượng giáo dục là mục tiêu phát triển của nhà trường.

3.2.3. Mục tiêu

Nâng cao chất lượng dạy học và các hoạt động trong nhà trường, phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước và thành phố.

3.2.4. Nhiệm vụ

3.2.4.1. Phát triển Đội ngũ cán bộ, giáo viên

Xây dựng khối đoàn kết, đồng thuận trong đơn vị; khuyến khích cán bộ giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị. Chuẩn hóa hệ thống hồ sơ quản lý nhà trường, hồ sơ chuyên môn đúng quy định, đầy đủ, đẹp, quy trình tổ chức quản lý, điều hành đơn vị: khoa học, công khai, hiệu quả.

Phấn đấu đến năm 2025: trên 50% giáo viên có trình độ trên chuẩn (tiến sĩ, thạc sĩ, sau đại học), 100% lãnh đạo nhà trường đạt trên chuẩn. 30% CBGV sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp, 10 người được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục và lý luận chính trị từ cao, trung cấp; năm 2030 đạt trên 65% giáo viên có trình độ trên chuẩn, 50% sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp, trên 15 người có chứng chỉ bồi dưỡng Quản lý giáo dục và trung cấp, cao cấp chính trị. 100% CBGV sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác và giảng dạy.

Có đủ giáo viên các bộ môn văn hóa và có ít nhất 02 giáo viên chuyên dạy môn Mỹ thuật và Âm nhạc; có đội ngũ chuyên gia tại chỗ và thỉnh giảng ở các bộ môn hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống, nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và công nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 80%.

Phấn đấu 100% CBGV đạt lao động tiên tiến 30 - 35 % lượt GV đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở, 3 - 5 % đạt chiến sĩ thi đua thành phố. 100% đạt gia đình văn hóa ở khu dân cư.

Kết nạp thêm được nhiều đảng viên mới để đến năm 2025 tỷ lệ đảng viên trong đơn vị đạt 65%, năm 2030 đạt 75%; 100% đảng viên được công nhận danh hiệu Đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có từ 20% đảng viên được công

nhận Đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng; đảng bộ đạt “Cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh”.

Bảng dự kiến cơ cấu, số lượng cán bộ, giáo viên, viên chức của nhà trường đến năm học 2024 – 2025 và năm học 2029-2030:

STT	CƠ CẤU	ĐỘI NGŨ		GHI CHÚ
		Năm học 2024-2025 (cho 33 lớp)	Năm học 2029-2030 (cho 36 lớp)	
I	Ban giám hiệu	3	3	
II	Giáo viên	74	81	
1	Ngữ Văn	10	11	
2	Toán	12	14	
3	Ngoại ngữ 1	9	11	
4	Giáo dục thể chất	5	5	
5	Giáo dục quốc phòng	2	2	
6	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	0	0	
7	Nội dung giáo dục địa phương	0	0	
8	Lịch sử	4	4	
9	Địa lí	4	4	
10	Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDCL)	3	3	
11	Vật lí	7	8	
12	Hóa học	7	8	
13	Sinh học	4	4	
14	Công nghệ (Công nghiệp)	2	3	
15	Công nghệ (Trồng trọt)	1	1	
16	Tin học	4	5	
17	Nghệ thuật (âm nhạc hoặc mỹ thuật)	0	0	
18	Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)	0	0	
III	Nhân viên	6	6	
1	Thư viện	1	1	
2	Thiết bị, thí nghiệm	1	1	
3	Công nghệ thông tin, truyền thông	1	1	
4	Văn thư, thủ quỹ	1	1	
5	Kế toán	1	1	
6	Y tế học đường	1	1	
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	83	90	

3.2.4.2. Phát triển quy mô, chất lượng Học sinh

- Quy mô: Tổng số học sinh: duy trì mức 1.485 – 1.620 học sinh/năm.

Số lớp học: duy trì từ 22 lên 33 lớp trong giai đoạn 2020-2025, đạt 36 lớp giai đoạn 2025-2030.

- Chất lượng học tập:

Số học sinh được xếp loại học lực Giỏi, Khá hàng năm đạt trên 85%, Yếu Kém dưới 0,5%. Thi đỗ tốt nghiệp từ 99 đến 100%. Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THPT đi

nhiệm của các tập thể và cá nhân.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với các cuộc vận động lớn của ngành “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; phong trào thi đua “Dạy tốt và học tốt”, “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”; đưa các nội dung của phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực thành việc làm thường xuyên trong toàn ngành.

Quan tâm công tác xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể trong trường học vững mạnh toàn diện, quan tâm phát triển đảng viên trong đội ngũ giáo viên và học sinh, làm nòng cốt thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong nhà trường. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, tâm huyết với sự nghiệp trồng người.

Tranh thủ sự đầu tư từ nguồn ngân sách cho xây dựng quy hoạch, cải tạo, nâng cấp nhà trường, mua sắm trang thiết bị đúng trọng tâm, trọng điểm, thích ứng, đảm bảo chất lượng và ngày càng đáp ứng yêu cầu dạy, học và đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo. Tuyên truyền làm tốt công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực để thúc đẩy phát triển giáo dục và đào tạo. Có kế hoạch từng bước chuyển đổi việc tự chủ tài chính khi có chỉ đạo của cấp trên.

Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin, đầu tư kinh phí cho công tác bồi dưỡng, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học gắn với chủ trương chung về phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin của Ngành.

Chỉ đạo rà soát, đánh giá để bổ sung, xây dựng cơ chế nhằm khuyến khích đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, tâm huyết với công việc, vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, đủ sức đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Thực hiện tốt cải cách hành chính, đổi mới lề lối làm việc trong nhà trường đạt hiệu quả cao; phân công, phân cấp, ủy quyền, nâng cao trách nhiệm thực thi nhiệm vụ và trách nhiệm cá nhân, tập thể. Nâng cao chất lượng công tác phối hợp trong xử lý công việc. Đổi mới công tác thông tin và truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận, huy động sự tham gia đánh giá, giám sát và phản biện của xã hội đối với công tác giáo dục và đào tạo của nhà trường.

- Phụ trách: Chi ủy, Ban giám hiệu chỉ đạo; đoàn thanh niên, công đoàn, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, văn phòng trường phối hợp thực hiện.

3.2.2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dạy học và giáo dục học sinh

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá, trang bị cho học sinh vốn kiến thức cần thiết về kỹ năng, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế, theo phương châm 3T: “Tâm sáng - Trí cao - Thực hành giỏi”.

Đổi mới phương pháp dạy học bắt đầu từ đổi mới khâu kiểm tra đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh.

Biện pháp:

Tăng cường công tác giáo dục cho thanh niên học sinh lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống nhân ái tốt đẹp; sống có lý tưởng, hoài bão, ý chí vươn lên, phát huy truyền thống dân tộc, thực hiện tốt đường lối, chính sách pháp luật của nhà nước, quy chế quy định của Ngành giáo dục và của nhà trường.

Cải tiến nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản, tăng cường tính tự quản của tập thể, tự chủ của cá nhân học sinh.

Vừa quan tâm giáo dục kiến thức văn hóa cho HS vừa kết hợp dạy các em kỹ năng sống thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề. Giao cho một phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và đoàn thanh niên tổ chức các chuyên đề theo hướng dẫn của Bộ, của Sở GD & ĐT, phù hợp với điều kiện thực tế ở nhà trường.

Thường xuyên dự giờ, thăm lớp và kiểm tra giờ dạy của giáo viên: 01 hoặc 02 lần/HK và kiểm tra đột xuất giờ dạy của giáo viên chống dạy chay, dạy không có giáo án. Tăng cường đổi mới phương pháp theo hướng nghiên cứu bài học, tích hợp liên môn, giáo dục STEM giúp các em học sinh có khả năng vận dụng tốt kiến thức được trang bị vào thực tiễn đời sống, kết hợp giữa học lý thuyết trên lớp với thực hành trong phòng thí nghiệm, các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học; giúp học sinh có kỹ năng tiếp thu, vận dụng kiến thức trong quá trình học tập, làm việc; kỹ năng giao tiếp, thích ứng, tự bảo vệ bản thân và cộng đồng ... Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và trong quá trình dạy học.

Thực hiện phân luồng học sinh từ đầu cấp học, xây dựng đội ngũ chuyên gia về dạy hướng nghiệp và kỹ năng sống; mở rộng quan hệ giao lưu với các trường đại học, học viện (ĐH Quốc gia, ĐH Bách khoa, ĐH Hàng Hải VN, ĐH Y - Dược HP, ĐH Hải Phòng, Học viện nông nghiệp VN, ĐH FPT ...) các trung tâm đào tạo nghề (trung tâm đào tạo VinFats, CĐ Bách khoa, CĐ Y tế HP ... các khu công nghiệp Vinh Niệm, Nomura, Trảng Duệ, Nam Bến Kiền, Bắc sông Cấm, ... để tạo điều kiện cho học sinh nhà trường được đến học tập, trải nghiệm về nghề nghiệp.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, đoàn thanh niên, công đoàn, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm.

3.2.3. Xây dựng và phát triển đội ngũ

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, viên chức đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ Tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách su phạm mẫu mực; đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Quan tâm bồi dưỡng phát triển trong đội ngũ giáo viên trẻ;

Biện pháp:

Chú trọng công tác tuyên truyền, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn thường xuyên trong nhà trường. Xây dựng cơ chế để tạo điều kiện về tinh thần, vật chất động

viên CBGV đi học bồi dưỡng, học nâng chuẩn. Giao nhiệm vụ cho tổ, nhóm chuyên môn cử người đi học, đảm bảo môn nào cũng có giáo viên đạt trình độ thạc sĩ, sau đại học (đặc biệt ở các bộ môn: khoa học xã hội, Tin học, TDQP). Mỗi năm chọn cử từ 2-3 cán bộ giáo viên tham gia các khoá bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý giáo dục. Tạo nguồn quản lý và khen thưởng kịp thời các cá nhân xuất sắc, khen thưởng các tập thể có nhiều thành tích trong tổ chức và đạt kết quả cao trong hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, xem xét hạ danh hiệu thi đua và xét lên lương đối với tập thể, cá nhân không tích cực học tập nâng cao tay nghề, nghiệp vụ.

Người phụ trách: Ban Giám hiệu, Công đoàn, Tổ trưởng chuyên môn.

3.2.4. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy; tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu Ngành Giáo dục thành phố; xây dựng kho học liệu điện tử, thư viện điện tử, phát huy hiệu quả tuyên truyền trên trang web của trường và các hình thức thông tin khác... góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy học và truyền thông. Động viên cán bộ, giáo viên, viên chức tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để sử dụng được thành thạo các phần mềm dạy học, quản lý phục vụ cho công việc, có kế hoạch cho vay để cán bộ, giáo viên, công nhân viên mua sắm máy tính cá nhân.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất- khảo thí; tổ công nghệ thông tin.

3.2.5. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục

Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên.

Xây dựng đề án trình thành phố, quận Lê Chân, sở GD & ĐT duyệt để tăng thêm diện tích, đầu tư nguồn vốn kinh phí cho xây dựng cơ bản, trang thiết bị nhà trường.

Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục, huy động được các nguồn lực của nhà nước, xã hội, cá nhân tham gia vào việc phổ cập giáo dục ở địa phương, đóng góp cho sự phát triển của nhà trường.

Vận động phụ huynh học sinh, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm tài trợ để thực hiện việc xây dựng cơ bản các công trình, tu bổ nâng cấp cảnh quan môi trường, nâng cấp sân trường, tường bao bảo vệ; đầu tư để xây dựng phòng học 100% đạt chuẩn; xây dựng sân bãi tập luyện TDTT, một số phòng học tập bộ môn nghệ thuật, câu lạc bộ nghiên cứu khoa học của học sinh.

Người phụ trách: Ban giám hiệu, BCH Công đoàn, Ban đại diện cha mẹ học sinh

3.2.6. Xây dựng thương hiệu

Thực hiện kiểm định chất lượng các hoạt động nhà trường, xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường. Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối của từng cán bộ giáo viên, viên chức với học sinh, cha mẹ học sinh và với xã hội.

2392

Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

Thực hiện trường tự chủ về tài chính theo lộ trình: tự chủ một phần (20%) vào năm 2025, tự chủ một phần (40%) vào năm 2026, tự chủ một phần (60%) vào năm 2028 và tự chủ toàn phần vào năm 2029.

Đến năm 2023 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, năm 2025 trường đạt trường chuẩn quốc gia giai đoạn I; đến năm 2028 đạt trường chất lượng cao trong thành phố; xây dựng lộ trình phấn đấu nhà trường được chính phủ tặng thưởng Huân chương lao động nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng phụ trách tổ chuyên môn, Đoàn thanh niên, Công đoàn, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, các thành viên Hội đồng giáo dục.

3.4 3.3 Tổ chức thực hiện đề án

3.3.1. Phổ biến nội dung đề án

Đề án phát triển được phổ biến rộng rãi trong toàn thể cán bộ đảng viên, giáo viên nhân viên, học sinh và thông báo cho cha mẹ học sinh nhà trường biết.

3.3.2. Triển khai thực hiện đề án

Ban chỉ đạo thực hiện Đề án đơn vị là bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai; báo cáo cấp trên phê duyệt kịp thời kế hoạch thực hiện hoặc điều chỉnh (nếu có) sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

3.3.3. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 1: Từ năm 2020 – 2025: Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng;

- Giai đoạn 2: Từ năm 2025 – 2028: Phát triển, hội nhập trong nước;

- Giai đoạn 2028 - 2030: Hội nhập sâu trong nước và ngoài nước.

3.3.4. Phân công tổ chức thực hiện

- **Đối với Hiệu trưởng:** Tổ chức triển khai thực hiện Đề án phát triển tới từng cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

- **Đối với các Phó Hiệu trưởng:** Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

- **Đối với tổ trưởng chuyên môn:** Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

- **Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, công nhân viên:** Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học; đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

- Đối với các tổ chức Chi bộ đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm chỉ đạo, tham mưu, phối hợp với BGH, các bộ phận; vận động đảng viên gương mẫu đi đầu; động viên Công đoàn viên, Đoàn viên học sinh tích cực tham gia các công việc để triển khai tốt kế hoạch.

4.2. Kiến nghị

Với thành phố: tăng hệ số chủ trương, hàng năm cấp ngân sách đầu tư công cho xây dựng cơ bản, đầu tư trang thiết bị để nhà trường có điều kiện thực hiện các dự án theo đúng kế hoạch.

Với địa phương: phê duyệt đề án nhà trường xây dựng; hỗ trợ trường về chủ trương huy động nguồn tài lực của nhân dân, cha mẹ học sinh, trong công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn; hướng dẫn, giúp đỡ giải quyết các hồ sơ dân lãn chiếm trong khuôn viên đất của trường. Cấp ngân sách hỗ trợ bổ sung cho một phần kinh phí của dự án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Với ngành GD & ĐT: quan tâm, chỉ đạo toàn diện, sát sao từng bước đi của nhà trường, hỗ trợ kịp thời nhà trường về mọi mặt để nhà trường thực hiện đúng kế hoạch, ngày càng phát triển bền vững.

Hải Phòng, ngày 1 tháng 2 năm 2022

TM. NHÀ TRƯỞNG

TM. CẤP ỦY

TM. ĐOÀN TICS HCM NHÀ TRƯỞNG

TM. CÔNG ĐOÀN NHÀ TRƯỞNG

PHÊ DUYỆT CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
LÃNH ĐẠO QUẬN LÊ CHÂN

LÃNH ĐẠO NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG

Phần IV
ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Đề xuất

Trên cơ sở Đề án kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng phát triển đến năm 2030, nhà trường trình Sở Giáo dục và Đào tạo, Quận ủy Lê Chân phê duyệt và ban hành kế hoạch thực hiện Đề án.

4.2. Kiến nghị

Với thành phố: ủng hộ về chủ trương, hàng năm cấp ngân sách đầu tư công cho xây dựng cơ bản, đầu tư trang thiết bị để nhà trường có điều kiện thực hiện các dự án theo đúng kế hoạch.

Với địa phương: phê duyệt đề án nhà trường xây dựng; hỗ trợ trường về chủ trương huy động nguồn tài lực của nhân dân, cha mẹ học sinh; trong công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn; hướng dẫn, giúp đỡ giải quyết các hộ dân lấn chiếm trong khuôn viên đất của trường. Cấp ngân sách hỗ trợ bổ sung cho một phần kinh phí của dự án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Với ngành GD & ĐT: quan tâm, chỉ đạo toàn diện, sát sao từng bước đi của nhà trường, hỗ trợ kịp thời nhà trường về mọi mặt để nhà trường thực hiện đúng kế hoạch, ngày càng phát triển bền vững.

Hải Phòng, ngày tháng 2 năm 2022

TM. CẤP ỦY

TM. NHÀ TRƯỜNG

**TM. CÔNG ĐOÀN NHÀ
TRƯỜNG**

TM. ĐOÀN TNCS HCM NHÀ TRƯỜNG

PHÊ DUYỆT CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN
LÃNH ĐẠO QUẬN LÊ CHÂN

LÃNH ĐẠO NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: Nhu cầu diện tích đất nhà trường theo số học sinh ở các giai đoạn theo quy định trường đạt chuẩn quốc gia

Năm học	Số lớp	Số học sinh	Diện tích theo chuẩn cần có (TT số 13/2020)	Hiện trạng (tháng 12/2021)	Ghi chú
2021-2022	22	973	9.730 m ²	8000 m ²	
2024-2025	33	1485	14.850 m ²	8000 m ²	
2029-2030	36	1620	16.200 m ²	8000 m ²	

PHỤ LỤC 2: Dự tính diện tích đất khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập bình quân tính trên mỗi học sinh các giai đoạn trên diện tích đất hiện có của trường

STT	Năm học	Diện tích hiện có (tháng 8/2021)	Số học sinh	Số m ² /HS	Số m ² /HS tiêu chuẩn (TT số 13/2020 BGDĐT)	Đánh giá
1	2019-2020	4.500 m ²	821	5,5	10,0	Đạt, nếu triển khai đúng quy hoạch
2	2024-2025	8.500 m ²	1485	5,7	10,0	
3	2029-2030	10.000m ²	1620	6,2	10,0	

PHỤ LỤC 3: Thực trạng diện tích đất sử dụng trong nhà trường hiện nay Tổng diện tích toàn trường là 20811,8 m²

Mục	Đất đang sử dụng			Theo quy chuẩn TCVN:2011	Tự đánh giá
	Dành cho	Diện tích đất	Tỉ lệ		
1	Xây dựng công trình	3000m ²	15%	45%	Thiếu nhiều công trình lớp học, phòng chức năng.
2	Diện tích cây xanh	500m ²	2,5%	30%	Thiếu vườn hoa, cây xanh.
3	Diện tích sân chơi, bãi tập, giao thông nội bộ	4500m ²	22,5 %	25%	Thiếu các công trình phụ trợ cho sinh hoạt TDDT, vui chơi của HS.
	Tổng:	8000m ²			

PHỤ LỤC 4: Diện tích sàn các công trình trong trường theo quy chuẩn của trường Trung học TCVN: 2011 và Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT

STT	CÔNG TRÌNH	HIỆN TRẠNG			Theo quy chuẩn TCVN:2011 (30 lớp 45 hs/lớp)	Đánh giá theo quy chuẩn TCVN: 2011
		Kích thước sàn (m)	Diện tích sàn (m ²)	Chất lượng		
I.	KHỐI PHÒNG HỌC					
1.1	<i>Phòng học khu 3 tầng</i>					
1	Phòng 1	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
2	Phòng 2	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
3	Phòng 3	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
4	Phòng 4	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
5	Phòng 5	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
6	Phòng 6	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
7	Phòng 7	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
8	Phòng 8	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
9	Phòng 9	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
10	Phòng 12	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
11	Phòng 13	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
12	Phòng 14	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
13	Phòng 15	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	67,5	Không đạt
1.2	<i>Phòng học khu Cấp 4</i>					
14	Phòng 16	9m x 6m	54m ²	Tạm	67,5	Không đạt
15	Phòng 19	9m x 6m	54m ²	Tạm	67,5	Không đạt
18	Phòng 20	9m x 6m	54m ²	Tạm	67,5	Không đạt
19	Phòng 21	9m x 6m	54m ²	Tạm	67,5	Không đạt
1.3	<i>Phòng tin học</i>					
1	P11 khu 3 tầng	9m x 6m	54m ²	Kiên cố	90 m ²	Không đạt
1.3	<i>Phòng tổ ngoại ngữ</i>		18.0			
1	Không				90 m ²	Không đạt
1.4	<i>Phòng môn Thể dục - GDQP</i>					
1	Không				54m ²	Không đạt
II.	KHỐI PHỤC VỤ HỌC TẬP					
2.1	<i>Phòng thực hành khu Cấp 4</i>					
1	TH Sinh	Không có			90 m ²	Không đạt
2	TH Lý	9m x 6m	54m ²	Tạm	90m ²	Không đạt
3	TB Hóa	7m x 2m	14m ²	Tạm	54 m ²	Không đạt
4	TH Hóa	8m x 5m	40m ²	Tạm	54 m ²	Không đạt
2.2	<i>Thư viện</i>					
1	Thư viện T1 khu Cấp 4		12 m ²	Tạm	200 m ²	Không đạt
2.3	<i>Nhà đa năng</i>		Không có		540 m ²	Không đạt
2.4	<i>Phòng Truyền thống</i>		Không có		Từ 48 m ²	Không đạt

III KHỐI HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ						
1	P. Hiệu trưởng	5,6mx 3,2m	17,92m ²	Tạm	15 m ²	Không đạt
2	P. Phó Hiệu trưởng 1	5,6mx 3,2m	17,92m ²	Tạm	12 m ²	Không đạt
3	P. Phó Hiệu trưởng 2	5,6mx 3,2m	17,92m ²	Tạm	12 m ²	Không đạt
4	P. Đảng ủy	Không có			12 m ²	Không đạt
5	P. Kế toán	5,6mx 3,2m	17,92m ²	Tạm	24 m ²	Không đạt
6	P. Công đoàn	Không có			12 m ²	Không đạt
7	P. Đoàn TN	4mx6m	24 m ²	Tạm	12 m ²	Không đạt
8	P. Giám thị	Không có			12 m ²	Không đạt
9	P. Tiếp dân	Không có			12 m ²	Không đạt
10	P. Văn thư	9m x 6m	54m ²	Tạm	12 m ²	Không đạt
11	Kho Văn phòng	Không có			9 m ²	Không đạt
12	P. Đội giáo viên	Không có			75 m ²	Không đạt
13	P. Hộp BGH	Không có			24 m ²	Không đạt
IV. KHU SÂN CHƠI, BÃI TẬP, VƯỜN HOA, GIAO THÔNG NỘI BỘ						
1	Bãi cát sau nhà 3 tầng		2000m ²		Trên 350	Không đạt vì thiếu dụng cụ
2	Sân chơi		1500m ²		2.100	Không đạt
3	Đường nội bộ, diện tích ngoài trời khác		500 m ²			Không đạt
4	Vườn hoa		200 m ²			Không đạt
V. KHU VỆ SINH, ĐỂ XE						
5.1	<i>Khu vệ sinh</i>					
1	WC Học sinh		25 m ²	Tạm		Không đạt
2	WC giáo viên		25 m ²	Tạm		Không đạt
5.2	<i>Nhà xe</i>					
1	Lán xe giáo viên		75 m ²	Tạm		Không đạt
2	Nhà xe học sinh		500 m ²	Tạm	2.362 m ²	Không đạt

VI.	KHỐI PHỤC VỤ SINH HOẠT					
6.1	Hội trường					
	Không				> 96 m ²	Không đạt
6.2	Phòng y tế					
1	Phòng Y tế khu C4		12 m ²	Tạm	24 m ²	Không đạt
6.3	Nhà nước uống học sinh					
1	Nhà nước uống học sinh khu C4		15 m ²	Tạm		Không đạt
6.5	Bếp ăn giáo viên, căng tin					
1	Căng tin HS		60 m ²	Kiên cố	108 m ²	Đạt
6.6	Phòng nghỉ GV					
1	Không				12 m ²	Không đạt
6.7	Sân khấu ngoài trời		100 m ²	Kiên cố		Đạt
6.8	Bảng tin			Tạm		Không đạt
6.9	Phòng bảo vệ		36 m ²	Kiên cố	Từ 6 m ²	Đạt
6.10	Trạm điện					
1	Không					Không đạt
6.11	Cổng			Kiên cố		Đạt
Tổng diện tích sàn sử dụng: 6.397,68 m²						

học các trường chuyên nghiệp và nghề đạt trên 95%, trong đó tỉ lệ đỗ vào đại học cao đẳng đạt trên 85%. Có học sinh xét vào các trường đại học đạt điểm thủ khoa, á khoa; được vào học các lớp sinh viên tài năng và nhận học bổng của các trường đại học trong và ngoài nước.

Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực, tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội đạt kết quả cao. Có nhiều học sinh thành đạt trong xã hội.

- Chất lượng đạo đức: Xếp loại Hạnh kiểm Tốt: 90 - 95%, Khá: 2 - 4%, TB: dưới 1 %, không có HS xếp loại hạnh kiểm Yếu.

3.2.4.3. Xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018

Xác định đây là một việc rất cấp bách nhưng nhiều khó khăn, cần thực hiện trong khoảng thời gian dài, trong đó vai trò bà đỡ, hỗ trợ về chủ trương và nguồn kinh phí chủ yếu từ phía nhà nước (Thành phố, Quận, Ngành GD & ĐT), một phần từ nguồn nhà trường và từ công tác xã hội hóa. Nhà trường cần phải xây dựng được kế hoạch và lộ trình hợp lý về nguồn kinh phí cấp, thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, vừa đảm bảo tính khả thi vừa không làm ảnh hưởng tới hoạt động dạy học hàng năm của nhà trường; tiết kiệm, tránh gây lãng phí trong quá trình thực hiện.

Phấn đấu xây dựng môi trường sư phạm “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn” theo tiêu chí trường chuẩn quốc gia. Lộ trình dự kiến thực hiện như sau:

+ Ba năm: 2020 - 2022:

Thuê cơ quan tư vấn lập bản đồ Quy hoạch tổng thể nhà trường theo hướng trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2020-2025 và hướng tới mức hiện đại vào năm 2030, trình các cấp quản lý có thẩm quyền phê duyệt. Thuê thực hiện khảo sát địa chất xây dựng nhà trường.

Xin kinh phí sửa chữa của thành phố: hoàn thiện hệ thống thoát nước, khắc phục dứt điểm tình trạng ngập lụt trong nhà trường mỗi khi trời đổ mưa, xây dựng tường bao kiên cố tiếp giáp với khu dân cư.

Chỉnh trang, bổ sung trang thiết bị một số phòng học, phòng thư viện, thí nghiệm, tin học; nhà vệ sinh giáo viên, học sinh đạt chuẩn.

+ Năm 2023:

- Xây dựng mới dãy nhà A hiệu bộ.
- Xây dựng mới dãy nhà học đa năng 3 tầng – 12 phòng.
- Xây dựng mới dãy nhà học 3 tầng – 9 phòng.
- Xây dựng mới nhà đa năng và các công trình phụ trợ.

+ Năm 2024:

- Lắp đặt trạm điện về vị trí mới.
- Hoàn thiện xây dựng hệ thống chiếu sáng; cây bóng mát, vườn hoa, cây cảnh, sân tập TDTT trong khuôn viên trường theo quy hoạch.

+ Thời gian từ 2021 đến 2025: theo tiến độ xây dựng công trình, thực hiện:

Trang bị cơ sở vật chất nội thất các phòng học: bàn ghế học sinh giáo viên, quạt mát, đèn chiếu sáng, phương tiện nghe nhìn, camera, âm thanh nội bộ, tủ sách, bảng thông tin... các phòng học.

Mua sắm trang thiết bị; phòng làm việc của Ban giám hiệu, văn phòng, phòng học tin, học ngoại ngữ, phòng thực hành thí nghiệm, thư viện chuẩn, hội trường, phòng đợi giao viên, các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, phòng học năng khiếu, hướng nghiệp ...

3.2.4.4. Về công tác phối kết hợp các lực lượng giáo dục

- Làm tốt công tác phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tích cực phối hợp với cha mẹ học sinh nhà trường trong việc rèn luyện ý thức, tổ chức học tập của học sinh; kịp thời động viên, khen thưởng và giáo dục học sinh.

3.2.4.5. Về công tác xã hội hóa giáo dục:

Xây dựng mối quan hệ, phối hợp với các cấp chính quyền, nhân dân địa phương, thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường đạt hiệu quả.

Tăng cường tuyên truyền, vận động để Cha mẹ học sinh hiểu, quan tâm và ủng hộ các hoạt động giáo dục của nhà trường trong đó có công tác xã hội hoá giáo dục.

Tranh thủ sự ủng hộ của tất cả các lực lượng xã hội đối với công tác xây dựng và phát triển nhà trường.

Thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục đúng thủ tục, quy trình quy định và hướng dẫn của các cấp, ngành.

3.3 3.2. Các giải pháp phát triển nhà trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

3.2.1. Nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tập trung quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện tốt nghị quyết đại Hội Đảng các cấp, các chỉ thị của Đảng, các chủ trương, chính sách, định hướng của Nhà nước về phát triển giáo dục - đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Hàng năm có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết gắn với tổ chức sơ kết, đánh giá và rút kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện hiệu quả nghị quyết, kế hoạch đề ra.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng: Chi ủy nhà trường chỉ đạo tốt các Chi ủy viên và Ban giám hiệu nhà trường, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của người cán bộ, đảng viên; tổ chức triển khai các cuộc vận động lớn, các cuộc thi đua trong toàn thể cán bộ đảng viên công chức, viên chức, giáo viên và học sinh nhà trường. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường, xây dựng khối đoàn kết nội bộ, xây dựng đội ngũ CBGV nhà trường đủ về số lượng, vững vàng về chuyên môn và có bản lĩnh chính trị cao; bảo đảm hài hòa giữa quyền lợi với nghĩa vụ, chức vụ và trách

**PHỤ LỤC 4A: Bảng xác định diện tích các công trình sau khi xây dựng
theo Thông tư số 13/2020 BGDĐT, Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT**

Stt	Tên phòng	Diện tích thiết kế (m ²)	Đánh giá
I	KHỐI PHÒNG HỌC	36 Phòng	
1.1	<i>Nhà lớp học số 1 – 3 tầng</i>	785	Xây mới
	09 Phòng học	67,5	Đạt
1.2	<i>Nhà lớp học số 02 – 03 tầng</i>	1550	Cải tạo + Xây mới
	15 Phòng học	67,5	Đạt
	03 Phòng học mới	67,5	Đạt
1.3	<i>Nhà lớp học số 03</i>	870	Xây mới
	09 Phòng học	67,5	Đạt
II	KHỐI PHỤC VỤ HỌC TẬP – 03 TẦNG	1500	Xây mới
1	01 Phòng thí nghiệm Sinh học	90	01 phòng
2	01 Phòng thí nghiệm Hóa học	90	01 phòng
3	01 Phòng thực hành Vật lý	90	01 phòng
4	01 Phòng bộ môn Công nghệ	90	01 phòng
5	01 Phòng thủ công	90	01 phòng
6	01 Phòng nữ công	90	01 phòng
7	01 Phòng mỹ thuật	90	01 phòng
8	01 Phòng đa chức năng	90	01 phòng
9	02 Phòng học ngoại ngữ	90	02 phòng
10	02 Phòng tin học	90	02 phòng
III	KHỐI HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ - 03 TẦNG	680	Xây mới
1	P. Hiệu trưởng	15	Đạt
2	Phó Hiệu trưởng 1	12	Đạt
3	Phó Hiệu trưởng 2	12	Đạt
4	P. Đảng ủy	12	Đạt
5	P. Kế toán	24	Đạt
6	P. Công đoàn	12	Đạt
7	P. Đoàn TN	12	Đạt
8	P. Giám thị	12	Đạt

Stt	Tên phòng	Diện tích thiết kế (m ²)	Đánh giá
9	P. Tiếp dân	12	Đạt
10	P. Văn thư	12	Đạt
11	Kho Văn phòng	09	Đạt
12	P. Đợi giáo viên	75	Đạt
13	P. Họp BGH	24	Đạt
14	Hội trường	96	Đạt
IV	KHU SÂN CHƠI, BÃI TẬP, VƯỜN HOA, GIAO THÔNG NỘI BỘ		Xây mới
1	Sân thể thao	2520	Đạt
2	Nhà đa năng	350	Đạt
3	Sân chơi	2100	Đạt
4	Cây xanh, vườn trường	2740	Đạt
V	KHU ĐỂ XE		Xây mới
1	Nhà xe học sinh 02 tầng	1320	Đạt
2	Nhà xe giáo viên 01 tầng	50	Đạt
VI	KHÔI PHỤC VỤ SINH HOẠT	620	Cải tạo
6.1	<i>Nhà thư viện, truyền thống – 03 tầng</i>		
1	02 Thư viện	200	Đạt
2	Kho sách		
3	Phòng sao đỏ		
4	Phòng sinh hoạt Đoàn		
5	Phòng truyền thống	48	Đạt
6	Căng tin HS	108	Đạt
7	<i>Sân khấu ngoài trời</i>	100	Đạt
6.2	<i>Nhà bảo vệ 01 tầng</i>	30	Đạt
6.3	<i>Nhà trực ban, tiếp dân</i>	30	Đạt
Tổng		20740	

PHỤ LỤC 5: Khái toán Tổng mức đầu tư

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG THPT LÊ CHÂN, QUẬN LÊ CHÂN

DVT: đồng

ST T	NỘI DUNG, DANH MỤC	Số tầng	ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	
	Tổng mức đầu tư					98.384.631.000	TM
I	Chi phí xây dựng					70.577.093.000	Gxd
A	Công trình chính					70.577.093.000	Gxd1
1	Khối nhà hiệu bộ (khối xây mới)		m2	680,0	8.910.000	6.058.800.000	
2	Khối nhà thư viện, truyền thống (khối cải tạo)		m2	620,0	5.500.000	3.410.000.000	
3	Khối nhà lớp học số 01 (khối xây mới)		m2	790,0	7.623.000	6.022.170.000	
4	Khối nhà lớp học số 02 (khối cải tạo)		m2	1.550,0	5.500.000	8.525.000.000	
5	Khối nhà lớp học số 03 (khối xây mới)		m2	870,0	7.623.000	6.632.010.000	
6	Khối nhà lớp học đa chức năng (khối xây mới)		m2	1.500,0	7.623.000	11.434.500.000	
7	Nhà đa năng (khối xây mới)		m2	350,0	8.910.000	3.118.500.000	
8	Nhà bảo vệ		m2	30,0	6.050.000	181.500.000	
9	Nhà trực ban tiếp dân		m2	30,0	6.050.000	181.500.000	
10	Nhà để xe giáo viên		m2	150,0	3.850.000	577.500.000	
11	Nhà để xe học sinh số 1		m2	1.200,0	3.850.000	4.620.000.000	
12	Khu vệ sinh chung		m2	280,0	10.450.000	2.926.000.000	
13	Cổng chính + cổng phụ		HT	1,0	500.000.000	500.000.000	
14	Tường rào		md	520,0	3.850.000	2.002.000.000	
15	Hạ tầng kỹ thuật toàn khu (San nền, cấp-thoát nước ngoài nhà, điện chiếu sáng, sân đường nội bộ, cây xanh ...)		ha	2,1	6.851.244.400	14.387.613.000	
II	Chi phí thiết bị + Doanh cụ					10.000.000.000	Gtb
III	Chi phí quản lý dự án, Tư vấn ĐTXD, chi phí khác				12%*(I+II)	8.863.480.230	Tạm tính
V	Chi phí dự phòng				10%*(I+II+III+IV)	8.944.057.323	Gdp

PHỤ LỤC 5A:

Khái toán dự trù kinh phí xây dựng cơ bản và tăng cường cơ sở vật chất nhà trường theo hướng xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia từ năm 2020 đến năm 2025

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Hạng mục	Năm thực hiện	Kinh phí	Ghi chú
1	Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư: + Thuê tổ chức tư vấn khảo sát, lập Quy hoạch tổng thể nhà trường theo hướng trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2020-2025 và định hướng tới mức hiện đại vào năm 2030. + Lập chủ trương đầu tư trình các cấp quản lý có thẩm quyền phê duyệt.	2022	15.000	
2	+ Xin kinh phí sửa chữa của thành phố: hoàn thiện hệ thống thoát nước, khắc phục dứt điểm tình trạng ngập lụt trong nhà trường mỗi khi trời đổ mưa, xây dựng tường bao kiên cố tiếp giáp với khu dân cư.	2022		
3	+ Chính trang, bổ sung trang thiết bị một số phòng học, phòng thư viện, thí nghiệm, tin học; nhà vệ sinh giáo viên, học sinh đạt chuẩn	2022		
4	+ Xây dựng mới dãy nhà A hiệu bộ	2023	50.000	
5	+ Xây dựng mới dãy nhà học đa năng 3 tầng – 12 phòng	2023		
6	+ Xây dựng mới dãy nhà học 3 tầng – 9 phòng	2023		
7	+ Xây dựng mới nhà đa năng và các công trình phụ trợ			
8	+ Lắp đặt trạm điện về vị trí mới	2024		
9	Hoàn thiện xây dựng hệ thống chiếu sáng; cây bóng mát, vườn hoa, cây cảnh, sân tập TDTT trong khuôn viên trường theo quy hoạch	2024		
10	Trang bị cơ sở vật chất nội thất các phòng học: bàn ghế học sinh giáo viên, quạt mát, đèn chiếu sáng, phương tiện nghe nhìn, camera, âm thanh nội bộ, tủ sách, bảng thông tin ... 46 phòng. Mua sắm trang thiết bị; phòng làm việc của BGH, văn phòng, phòng học Tin, học Ngoại ngữ, phòng thực hành thí nghiệm, thư viện chuẩn, hội trường, phòng đợi giáo viên, các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, phòng học năng khiếu, hướng nghiệp ...	2022-2025	43.385	Theo lộ trình hoàn thành xây dựng các công trình
	Tổng:		98.385	
<p>(Bảng chữ: <i>Chín mươi tám tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu đồng</i>)</p> <p>* Dự kiến phân nguồn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xin ngân sách của Thành phố và Quận cấp cho dự án: 90 tỉ đồng; - Vận động tài trợ từ cha mẹ học sinh và các tổ chức trong và ngoài nhà trường trong 8 năm: 05 tỉ đồng. - Nguồn nhà trường: 3,385 tỉ đồng. 				

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 02 năm 2020;
2. Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
3. Dự thảo Văn kiện Đại hội XVI nhiệm kỳ 2020-2025 Đảng bộ thành phố Hải Phòng;
4. Chương trình hành động số 76-CTr/TU, ngày 08/7/2019 Thành ủy Hải Phòng triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị;
5. Nghị quyết Đại hội lần thứ XVIII Đảng bộ quận Lê Chân nhiệm kỳ 2020-2025;
6. Nghị quyết đại hội Đảng bộ trường THPT Lê Chân nhiệm kỳ 2020-2025;
7. Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và ban hành Quy định quản lý theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025;
8. Quyết định của UBND quận Lê Chân về việc phê duyệt quy hoạch tiết tỷ lệ 1/500 phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân;
9. Luật Giáo dục năm 2019 (Luật số 43/2019/QH).
10. Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo TT-32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT.
11. Thông tư số 58/2011/TT-BGD & ĐT, ngày 12/12/2011 của Bộ GD & ĐT ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh THPT;
12. Thông tư số 26/2020/TT-BGD & ĐT, ngày 26/8/2020 của Bộ GD & ĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
13. Thông tư số 14/2018/TT-BGD & ĐT, ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;
14. Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
15. Thông tư số 18/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GD & ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.
16. Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 27/5/2020 của Bộ GD & ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.
17. Quy hoạch phát triển giáo dục phổ thông và mầm non thành phố Hải Phòng đến năm 2025 định hướng năm 2030 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Tháng 5 năm 2018.
18. Công tác công tác giáo viên chủ nhiệm trong nhà trường. NXB Giáo dục. Năm 2005
19. Cẩm nang xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. NXB Giáo dục Việt Nam. Hà Nội. Năm 2009.

20. Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2020-2021 của Bộ GD & ĐT, Sở giáo dục và Đào tạo Hải Phòng

21. Các văn bản chỉ đạo Giáo dục Trung học các năm học giai đoạn 2015-2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

22. Tài liệu Hội nghị cán bộ công chức nhà trường từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2021-2022 Trường THPT Lê Chân.

PHỤ LỤC PHÁP LÝ

PHỤ LỤC BẢN VẼ

0 0 0

0 0 0



PHỐI CẢNH CÔNG TRÌNH - TRƯỜNG THPT LÊ CHÂN

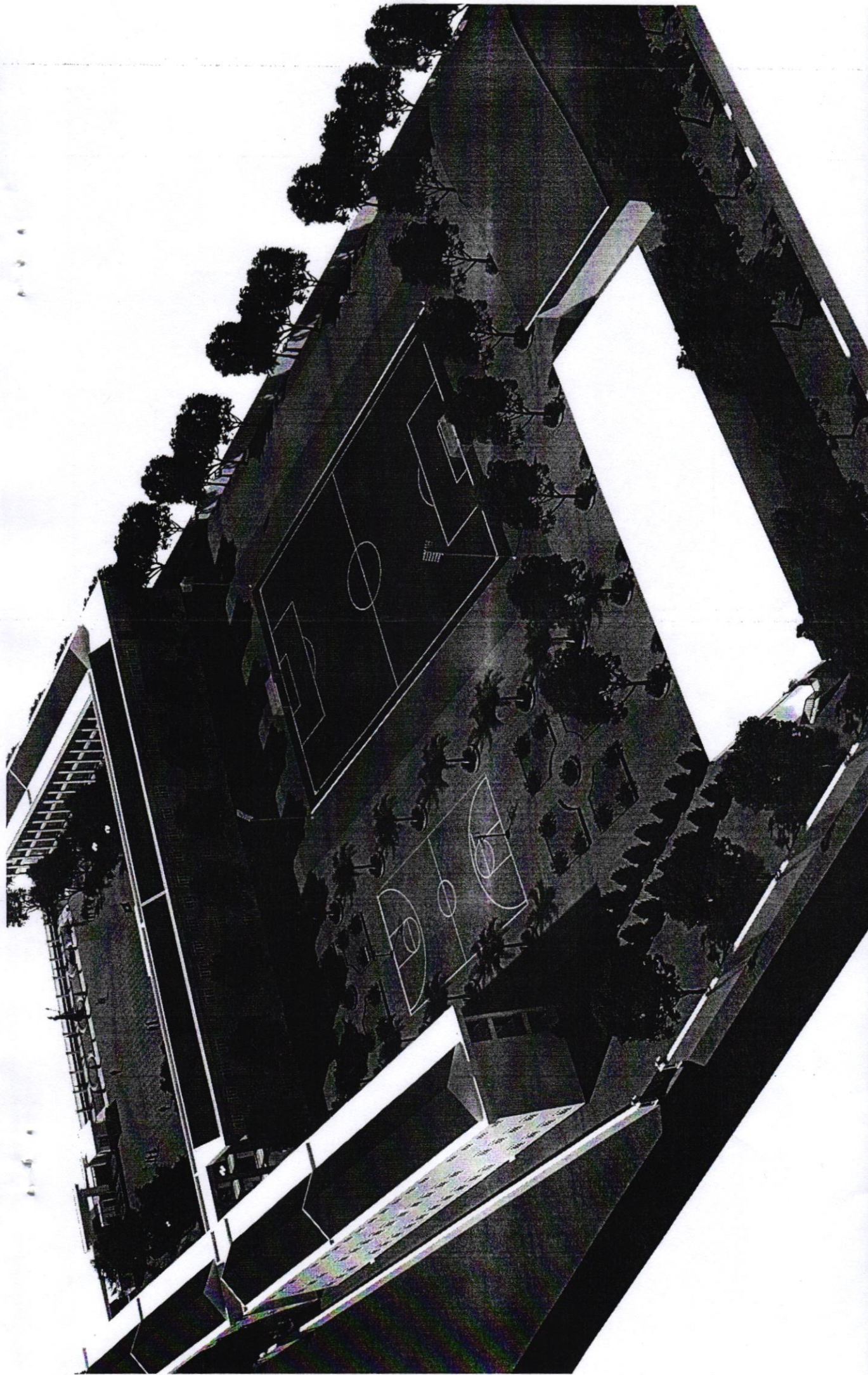




ВНИМАНИЕ! ПРИ ПЕЧАТЕ ИЛИ КОПИРОВАНИИ НЕ ЗАБЫВАЙТЕ УДАЛЯТЬ ЭТУ СТРАНИЦУ

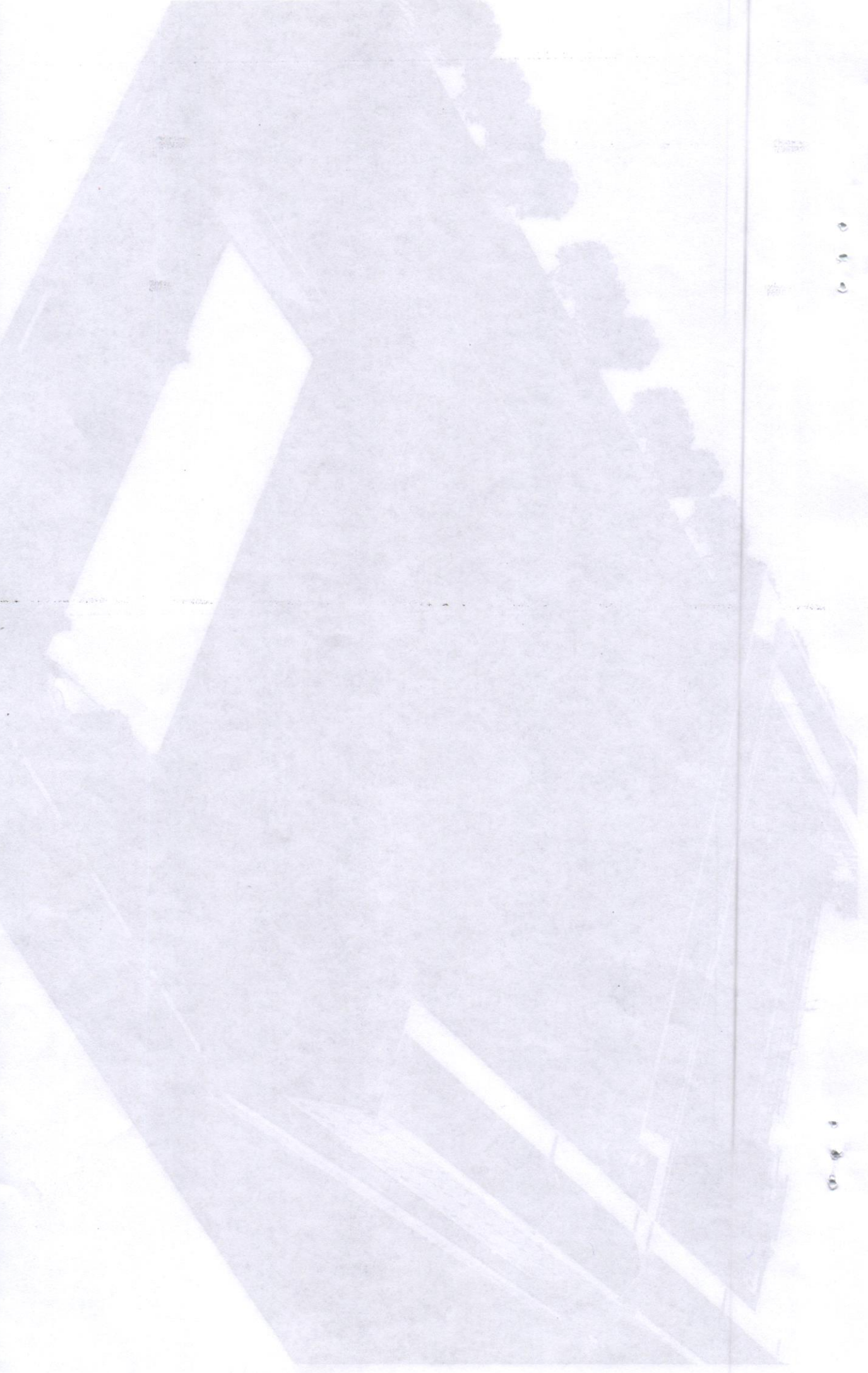
1 1 1 1

1 1 1 1



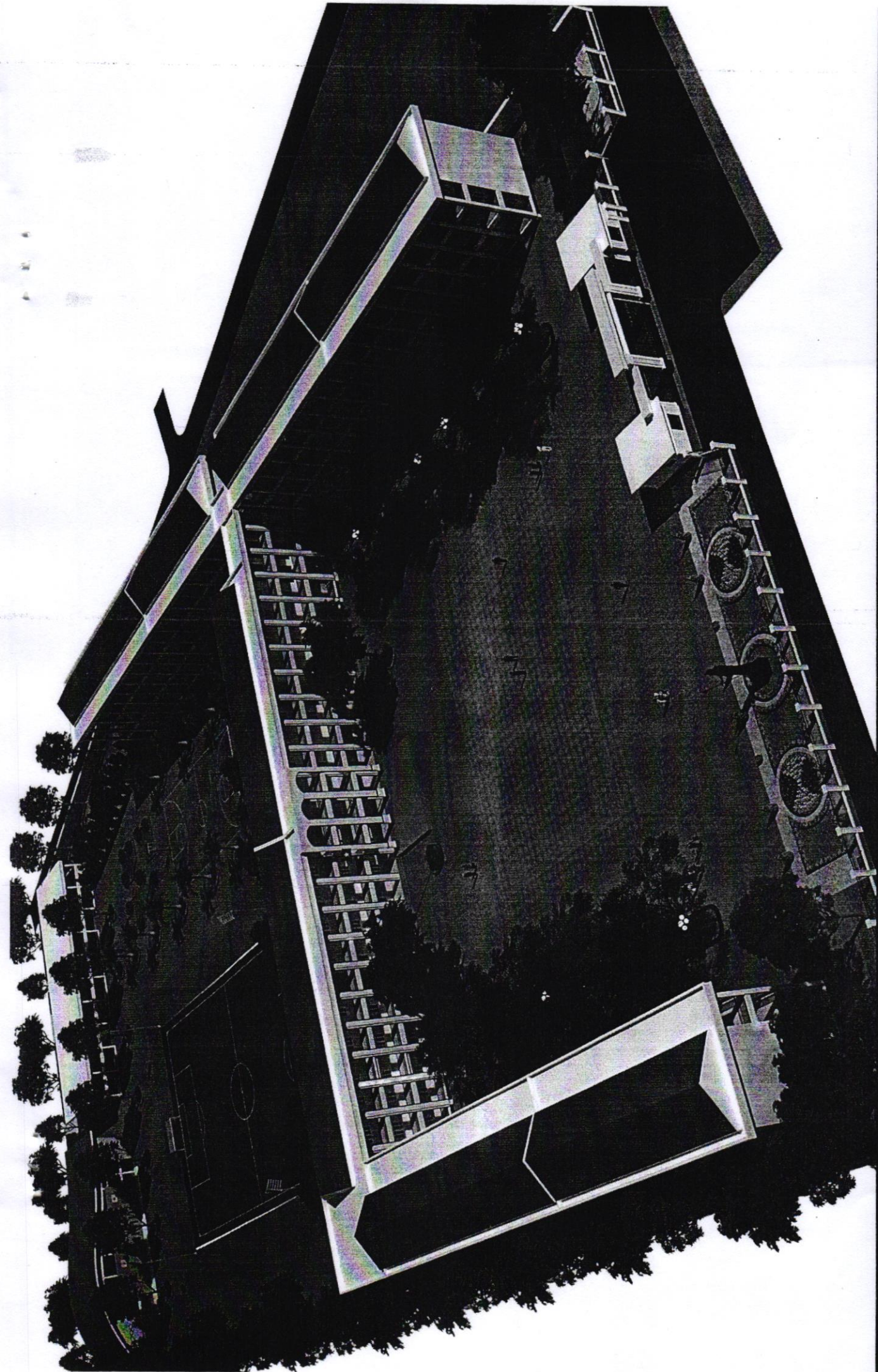
PHỐI CẢNH CÔNG TRÌNH - TRƯỜNG THPT LÊ CHÂN

ДАННОЕ ИСПОЛНЕНИЕ НЕ ЯВЛЯЕТСЯ ЧИСТАЯ КОПИЯ



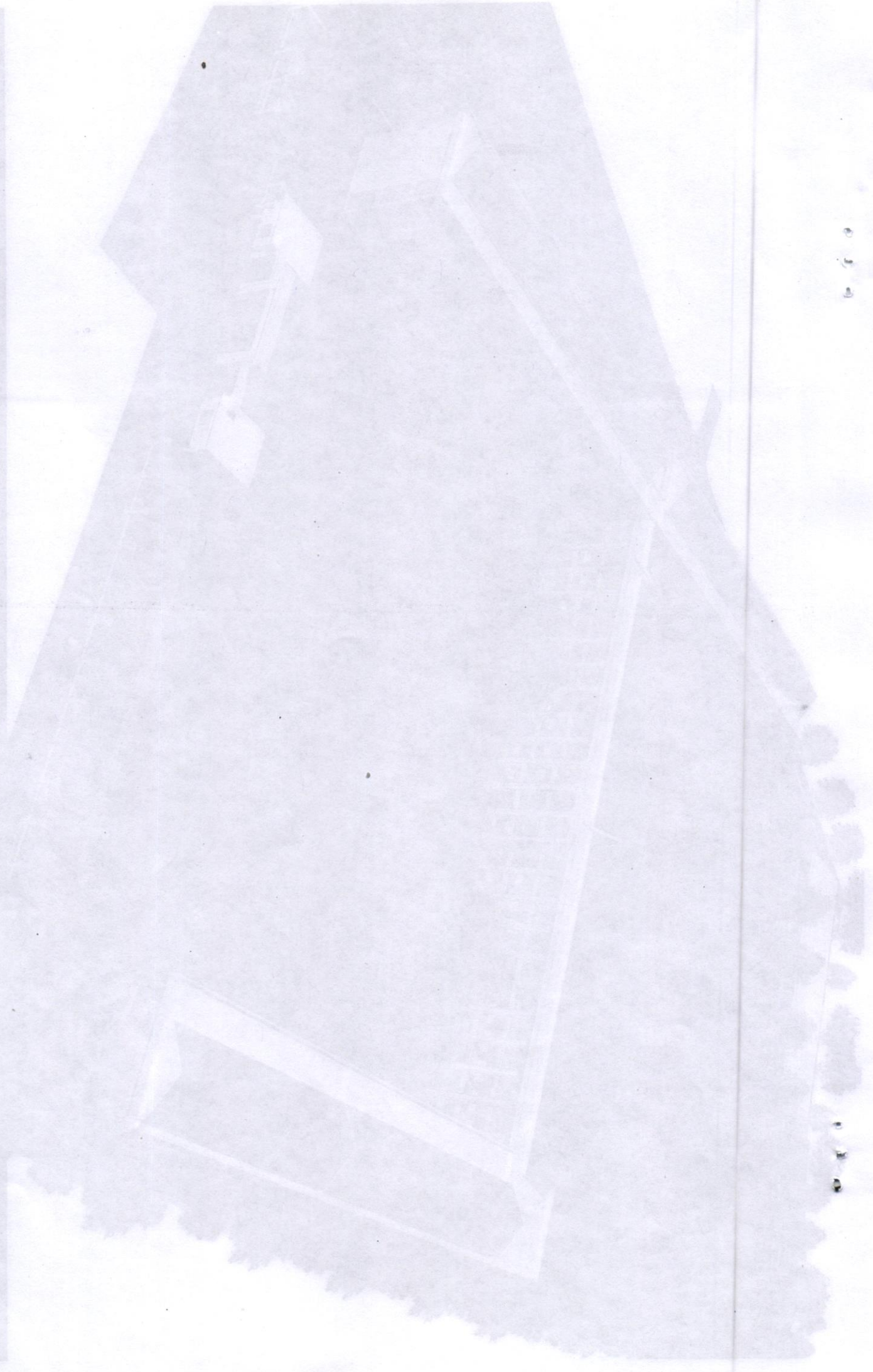
0 0 0

0 0 0

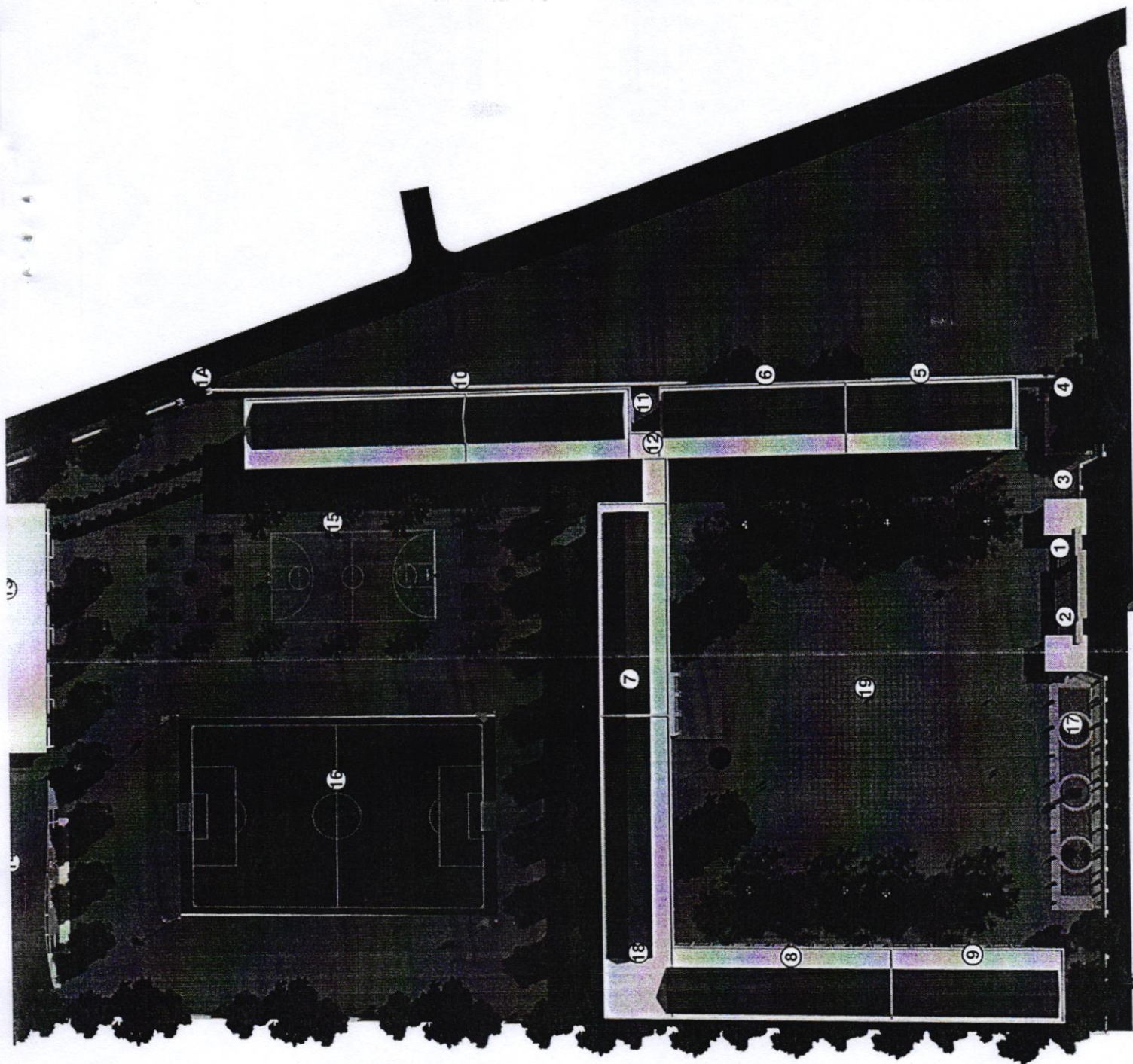


PHỐI CẢNH CÔNG TRÌNH - TRƯỜNG THPT LÊ CHÂN





- GHI CHÚ:**
- 1 - CỔNG CHÍNH
 - 1A - CỔNG PHỤ
 - 2 - NHÀ TRỰC BAN, TIẾP DẪN
 - 3 - NHÀ BẢO VỆ
 - 4 - NHÀ XE GIÁO VIÊN
 - 5 - NHÀ THƯ VIỆN + TRUYỀN THÔNG
 - 6 - NHÀ LỚP HỌC SỐ 01
 - 7 - NHÀ LỚP HỌC SỐ 02
 - 8 - NHÀ LỚP HỌC SỐ 03
 - 9 - NHÀ HIỆU BỘ
 - 10 - NHÀ LỚP HỌC ĐA CHỨC NĂNG
 - 11 - HÀNH LANG CẦU NỐI SỐ 01
 - 12 - HÀNH LANG CẦU NỐI SỐ 02
 - 13 - NHÀ XE HỌC SINH
 - 14 - NHÀ ĐẠ NẰNG
 - 15 - SÂN THỂ THAO
 - 16 - SÂN BÓNG ĐÁ
 - 17 - VƯỜN TRƯỜNG
 - 18 - NHÀ VỆ SINH
 - 19 - SÂN LÁT GẠCH



- 16 - СУИ ГЯТ БУСН
- 18 - ИИУ ЛЕ ГИИ
- 17 - АРСИ ТУОС
- 19 - СУИ БДИС ВУ
- 12 - СУИ ТИЕ ТИО
- 14 - ИИУ ВУ ИИИС
- 15 - ИИУ ХЕ НОС ГИИ
- 13 - ИИИИ ГЯОС СУИ ИОИ ГО 02
- 11 - ИИИИ ГЯОС СУИ ИОИ ГО 01
- 10 - ИИУ ГОБ НОС ВУ СНИС ИИИС
- 8 - ИИУ ИИП БО
- 9 - ИИУ ГОБ НОС ГО 03
- 7 - ИИУ ГОБ НОС ГО 05
- 6 - ИИУ ГОБ НОС ГО 01
- 5 - ИИУ ИИО МЕН * ТИЛЛЕН ТИОС
- 4 - ИИУ ХЕ ДИО МЕН
- 3 - ИИУ ВУО ЛЕ
- 2 - ИИУ ТИОС ВУИ * МЕН ДИИ
- 14 - СЮИС ЫИ
- 1 - СЮИС СНИИ

ДНИ СНИ:



